

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK TÔ
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **08/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 27/8/2021

Về việc: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK TÔ, TỈNH KON TUM**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Công B và bà Phạm Thị Hiền.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tú – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Bà Y Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 27/8/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 43/2021/TLST-HNGĐ ngày 09/6/2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/8/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Minh H, sinh năm 1983 (Có mặt).

- Bị đơn: Anh Lý Cát B, sinh năm 1972 (Có mặt).

Cùng trú tại: Thôn 6, xã K Đ, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Minh H trình bày:***

Chị và anh Lý Cát B tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K Đ ngày 18/4/2002. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc và hòa thuận. Không lâu sau đó, bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn do không hiểu nhau trong lối sống, anh B thường xuyên có những lời lẽ xúc phạm, tạo áp lực về mặt tinh thần và không có sự sẻ chia, quan tâm đến chị, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt. Vợ chồng nhiều lần tìm tiếng nói chung nhưng không có kết quả. Khoảng mấy năm trở lại đây, mặc dù vẫn ở chung nhưng mạnh ai nấy sống, không liên quan gì đến nhau. Tuy là vợ chồng nhưng

không ăn chung, ngủ chung, chị đã quá chán nản và không còn tình cảm với anh B từ lâu nhưng vì con cái nên chị vẫn cố gắng chịu đựng, có vài lần chị đã bỏ đi một thời gian do cuộc sống quá ngột ngạt. Nay nhận thấy tình cảm dành cho nhau không còn, chị đã không còn tình cảm với anh B, cố gắng tiếp tục sống chung chỉ làm khổ nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Lý Cát B để cả hai xây dựng cuộc sống riêng.

Về con chung: Vợ chồng có hai người con chung là Lý Ng, sinh ngày 27/5/2003 và Lý Thị Cẩm L, sinh ngày 18/02/2007. Hiện cháu Nguyên đã trưởng thành, có thể tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị H đề nghị được nuôi dưỡng Lý Thị Cẩm L cho đến khi đủ tuổi thành niên, yêu cầu anh Lý Cát B cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng, cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn anh Lý Cát B trình bày:*

Vợ chồng tự nguyện kết hôn và có đăng ký vào năm 2002. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, không lâu sau đó vợ chồng có nảy sinh mâu thuẫn, gần đây mâu thuẫn càng thường xuyên, nhưng đó là điều không thể tránh khỏi trong cuộc sống hôn nhân. Anh B công nhận thời gian đầu có thờ ơ và không quan tâm đến chị H, do công việc mệt mỏi, lo toan cuộc sống gia đình nên anh mới có lời lẽ xúc phạm vợ con như chị H trình bày, nhưng thấy mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng. Nay chị H đề nghị ly hôn thì anh không đồng ý vì anh vẫn còn yêu thương vợ, muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái và xây dựng cuộc sống gia đình. Về con chung và tài sản chung anh không yêu cầu giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 11/6/2021, cháu Lý Thị Cẩm L trình bày:*

Nếu bố mẹ cháu phải ly hôn thì cháu muốn được ở với mẹ, vì mẹ chăm sóc cháu tốt hơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn giữ nguyên yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

1. Về việc thực hiện thủ tục Tố tụng của Tòa án và các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đều tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

2. Về nội dung:

- Về hôn nhân: Xét tình trạng hôn nhân của anh B và chị H đã trầm trọng, mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài không thể hàn gắn, mục đích của hôn nhân không còn đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi

kiện của chị H, xử cho chị H được ly hôn với anh B.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Minh H đề nghị được nuôi dưỡng cháu Ly, cháu Ly cũng có nguyện vọng của được ở với mẹ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Lý Thị Cẩm L cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh Lý Cát B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng, bắt đầu từ 01/9/2021 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Các bên không yêu cầu nên không đề nghị xem xét.

- Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh B phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Minh H đề ngày 27/5/2021 yêu cầu giải quyết ly hôn và nuôi con chung với anh Lý Cát B, trú tại Thôn 6, xã K Đ, huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Đắk Tô thụ lý, giải quyết vụ án hôn nhân gia đình trên là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Minh H và anh Lý Cát B kết hôn ngày 18/4/2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K Đ, huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum là hôn nhân tự nguyện, hợp pháp theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi kết hôn, hai vợ chồng đều thừa nhận, cuộc sống vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, cãi vã do lối sống không hợp nhau, anh B thờ ơ và không quan tâm đến chị H. Thời gian gần đây mâu thuẫn ngày càng thường xuyên, gay gắt, không còn yêu thương, quan tâm gì tới nhau, cả hai đã cố hàn gắn nhưng không mang lại kết quả. Mặc dù đã được Tòa án động viên, hòa giải nhiều lần nhưng chị H vẫn kiên quyết ly hôn vì tình cảm không còn, cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung. Tuy anh B không muốn ly hôn, nhưng xét thấy, hiện tại vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ với nhau trong cuộc sống, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài hơn nữa. Mặt khác, tại Biên bản xác minh ngày 08/7/2021, chính quyền địa phương nơi anh chị sinh sống cũng xác nhận: *“Vợ chồng anh B, chị H hay xảy ra mâu thuẫn đã lâu, tuy không xảy ra bạo lực gia đình nhưng mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng sống không quan tâm đến nhau. Có thời gian chị H thường xuyên bỏ đi khỏi địa phương vì quá chán nản cuộc sống gia đình, khi trở về thì*

không có ý chí xây dựng hạnh phúc gia đình”. Vì vậy, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có hai người con chung là Lý Ng, sinh ngày 27/5/2003 và Lý Thị Cẩm L, sinh ngày 18/02/2007. Hiện cháu Lý Ng đã đủ tuổi thành niên, có thể tự lập nên nguyên đơn không yêu cầu xem xét. Sau khi ly hôn, chị H đề nghị được nuôi cháu Ly, và yêu cầu anh B cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Xét thấy, cháu Ly là con gái, đang đến độ tuổi phát triển về thể chất và cả về tâm, sinh lý nên sự quan tâm, chăm sóc, giáo dục từ người mẹ là rất quan trọng đối với cháu từ bây giờ và giai đoạn về sau, nguyện vọng của cháu cũng mong muốn được ở với mẹ. Vì vậy, giao cháu Ly cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và đảm bảo cho việc phát triển của cháu về mọi mặt.

Về yêu cầu cấp dưỡng của nguyên đơn: Tại phiên tòa, anh B trình bày, nếu phải ly hôn thì anh đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Ly 2.000.000 đồng/tháng theo yêu cầu của chị H, ngoài ra anh có thể cho thêm. Xét thấy, anh B hiện có thu nhập ổn định từ việc thu mủ cao su và cà phê, việc cấp dưỡng nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện, vì vậy chấp nhận yêu cầu của chị H về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Minh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; anh Lý Cát B phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83, 107, 110 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Minh H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Minh H được ly hôn với anh Lý Cát B.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung Lý Thị Cẩm L, sinh ngày 18/02/2007 cho chị Nguyễn Thị Minh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

Anh Lý Cát B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lý Thị Cẩm L 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng, thời điểm cấp dưỡng vào ngày 01 hàng tháng, kể từ tháng 9/2021 cho đến khi cháu Ly đủ 18 tuổi.

Anh Lý Cát B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con không ai được cản trở.

Không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của nguyên đơn đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Minh H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai số 0003907 ngày 09/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum. Chị Nguyễn Thị Minh H đã nộp đủ án phí. Anh Lý Cát B phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. (27/8/2021).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Đắk Tô;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Chi cục THA dân sự huyện Đắk Tô;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Minh Huy

